

GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm : Số hiệu : DCI - 164
 Phương pháp đo : Đường chuyền
 Trị giá khái lược : Độ cao : 3 m
 Loại đất : Đất công
 Nơi đặt mốc : Khóm 6
 Thị xã : Trà Vinh
 Nơi ở gần nhất : Khóm 6
 Người chọn : Huỳnh Hữu Hiền
 Đơn vị chọn : XN Trắc địa 301-XNLH Trắc địa Bản đồ số 3
 Ngày 20 tháng 9 năm 1995

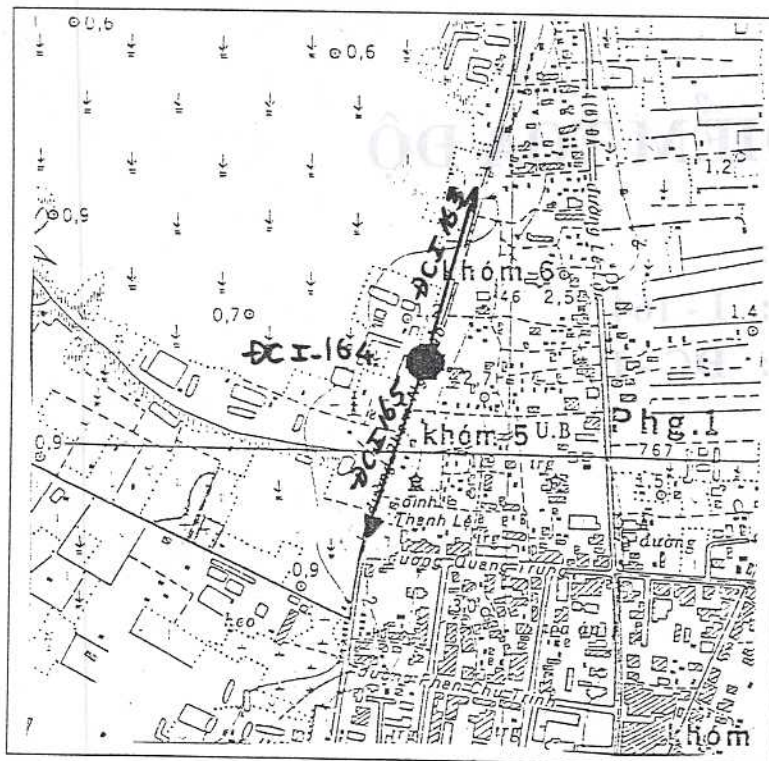
Chất đất : Cát sỏi

Phường : 1

Tỉnh : Trà Vinh

Khoảng cách tới điểm : Tại điểm

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ : 1/10.000

Điểm thông hướng
 (Tên, số hiệu, cấp hạng
 điểm liên quan mà từ mặt

đất điểm trạm đo thông suốt
 tới điểm liên quan)

Điểm : DCI - 163

DCI - 165

Họ, tên, địa chỉ người
 dẫn đường :

Bà Võ Thị Nga khóm 6

Phường : 1

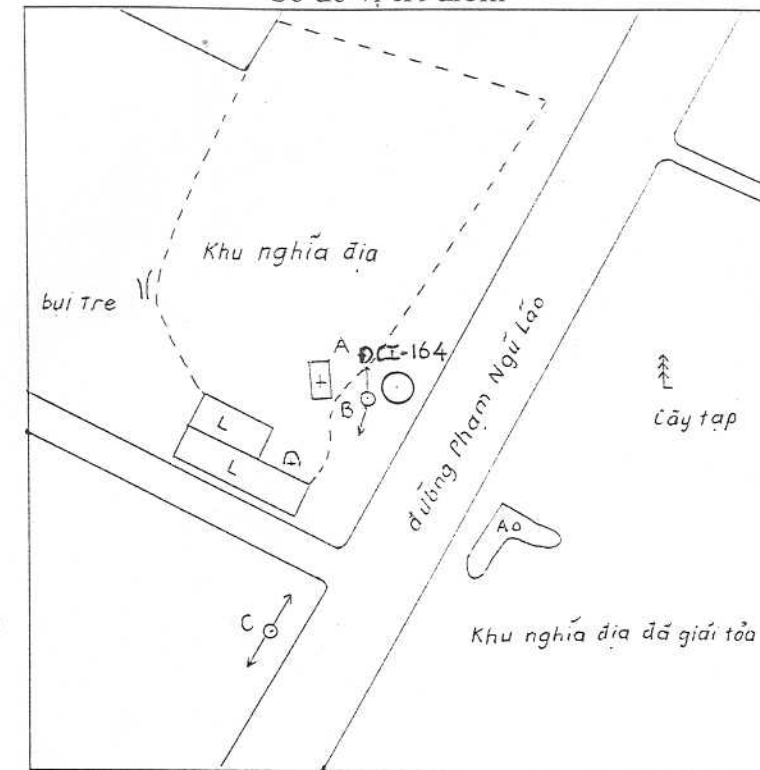
Thị xã : Trà Vinh

Tỉnh : Trà Vinh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ ván dọi điểm đến :	Lần 1.	Lần 2	TB	Chiều cao các tầng mốc
Đáy hố				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

Sơ đồ vị trí điểm



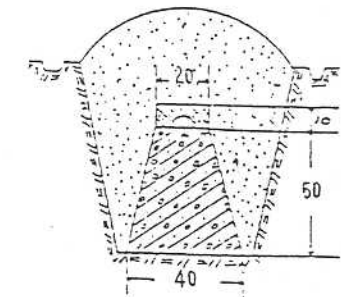
Tỷ lệ : 1/1000

Đơn vị chôn mốc :
 XN Trắc địa 301

Người chôn mốc :

Phạm Văn Thúc
 Loại mốc : Mốc chôn một tầng
 Ngày 10 tháng 10 năm 1995

Hình vẽ mặt cắt mốc
 (Đơn vị cm)



V/v	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Góc mộ ông Võ Văn Quý	Hướng Tây Bắc 9.4m
B	Cột điện hạ thế	Hướng Tây Nam 4.0m
C	Cột điện đôi có bình hạ thế	Hướng Tây Nam 36.8m

Điểm này : Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm :

Số hiệu :

Cấp, hạng :

Điểm này đo nối độ cao bằng : Đo cao hình học

Cấp, hạng : Hạng III

Đường đi đến điểm : (Đường ô tô, sắt, thủy, số Km) :

Từ Bến xe Thị Xã Trà Vinh về phía vàm Trà Vinh đi theo đường Phạm Ngũ Lão đến đình Thanh Lễ là đến điểm

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm :

Ngày 15 tháng 9 năm 1995

Người làm ghi chú điểm

Trần Văn Thuật

Ngày 18 tháng 12 năm 1995

Người kiểm tra

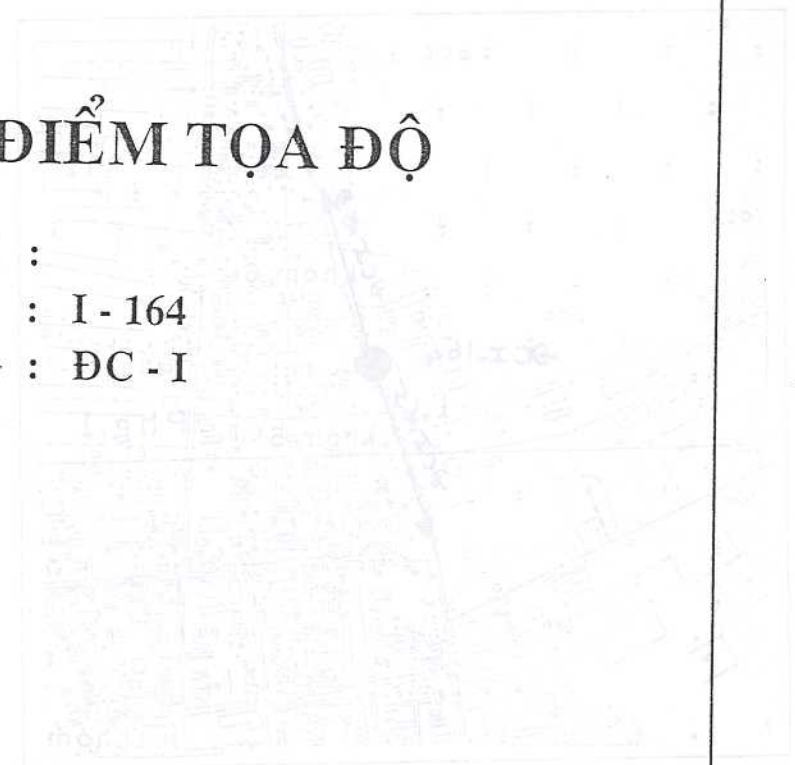
Đỗ Phi Hạnh

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Mã bản đồ : C 25 - 81-2
Cấp, hạng : ĐC-I
Kính độ : 10° 20' 30"
Vĩ độ : 9° 56' 38"

GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM :
SỐ HIỆU : I - 164
CẤP, HẠNG : ĐC - I



NĂM 1995

Số đồ vị trí điểm



VA	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ điểm đặt chuẩn (m)
A	Góc mặt đất 10° 20' 30"	9 km
B	Cột mốc cao thế	4 km
C	Cột mốc cao thế	30 km